

BẢNG GIÁ 2024



Essential for Today
Potential for Tomorrow



BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Mã hàng	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá (VND)
MCCB 2P Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8~1*In), 400 ~ 800AF (0.63~1*In)				
HGM100E- F	2P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	35kA	825,000
HGM100S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	50kA	850,000
HGM125S- F		40/ 50/ 63/ 75/ 80/ 100/ 125A	65kA	1,050,000
HGM125H- F		40/ 50/ 63/ 75/ 80/ 100/ 125A	85kA	1,050,000
HGM250S- F		150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	65kA	1,750,000
HGM250H- F		150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	85kA	1,815,000
HGM400S- F		300/ 350/ 400A	75kA	4,300,000

MCCB 3P					Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8~1*In), 400 ~ 800AF (0.63~1*In)					
HGM50H- F	3P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50A			38kA			1,350,000		
HGM50L- F					55kA			1,650,000		
HGM100E- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50A 63/ 75/ 100A			16kA			950,000		
								1,050,000		
HGM100S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50A 63/ 75/ 100A			20kA			1,000,000		
								1,100,000		
HGM100H- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A			26kA			1,150,000		
HGM125S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 80/ 100/ 125A			26kA			1,265,000		
38kA					1,510,000					
55kA					1,750,000					
HGM250H- F		150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A			38kA			2,300,000		
55kA					2,780,000					
HGM400E- F		250*/ 300/ 350/ 400A			45kA			5,350,000		
65kA					5,700,000					
85kA					5,940,000					
HGM630E- F		500/ 630A			45kA			10,010,000		
65kA					10,480,000					
85kA					11,340,000					
HGM800S- F		700/ 800A			65kA			10,590,000		
HGM800H- F					85kA			11,670,000		

MCCB 3P Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 0.7~1*In				
HGM125H- FVP	3P	40/ 50/ 63/ 80/ 100/ 125A	38kA	1,790,000
HGM250H- FVP		100/ 125/ 160/ 200/ 250A	38kA	2,650,000

MCCB 3P Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 0.8~1*In và INST (Adj. magnetic) 5~10*In				
HGP400S- H	3P	300/ 350/ 400A	85kA	7,875,000
HGP630S- H		500/ 630A	85kA	12,075,000
HGP800S- H		700/ 800A	85kA	16,780,000

(*): MCCB không chỉnh dòng

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Mã hàng	Số cực	Dòng định mức In(A)	Icu (kA)	Đơn giá (VND)
MCCB 3P Chỉnh dòng điện tử (Electronic) 0.4~1*In				
HGP100S-G3PENS	3P	40 / 100A	85kA	7,280,000
HGP160S-G3PENS		100 / 160A	85kA	7,280,000
HGP250S-G3PENS		160 / 250A	85kA	7,280,000
HGP400S 3PENS		250 / 400A	85kA	12,100,000
HGP630S 3PENS		630A	85kA	14,300,000
HGP800S 3PENS		800A	85kA	19,600,000
HGM1000S 3P		1000A	70kA	30,000,000
HGM1250S 3P		1250A	70kA	32,000,000
HGM1600S 3P		1600A	70kA	57,000,000

MCCB 4P		Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8~1*In), 400 ~ 800AF (0.63~1*In)		
HGM100S- F	4P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	20kA	1,450,000
HGM125S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A	26kA	2,100,000
HGM125H- F			38kA	2,165,000
HGM250S- F		125/ 150/ 175/ 200/ 225/ 250A	26kA	3,170,000
HGM250H- F			38kA	3,370,000
HGM400E- F		300/ 350/ 400A	45kA	7,170,000
HGM400S- F			65kA	7,610,000
HGM630E- F		500/ 630A	45kA	12,300,000
HGM630S- F			65kA	13,500,000
HGM800S- F		700/ 800A	65kA	14,040,000
HGM800H- F	85kA		14,730,000	
MCCB 4P		Chỉnh dòng điện tử (Electronic) 0.4~1*In		
HGM1000S 4P	4P	1000A	70kA	48,710,000
HGM1250S 4P		1250A	70kA	49,900,000

ELCB Aptomat chống dò điện (chỉnh định dòng dò 100-300-500-1000mA)				
HGE100S	2P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	50kA	2,240,000
HGE125S		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A	65kA	2,590,000
HGE250S		125/ 150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	65kA	3,780,000
HGE100S	3P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	20kA	3,040,000
HGE125S		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A	26kA	3,220,000
HGE250S		125/ 150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	26kA	4,290,000
HGE400E		250/ 300/ 350/ 400A	45kA	10,690,000
HGE400S		250/ 300/ 350/ 400A	65kA	11,340,000
HGE100S	4P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	20kA	3,920,000
HGE125S		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A	26kA	4,300,000
HGE250S		125/ 150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	26kA	7,700,000
HGE400E		250/ 300/ 350/ 400A	45kA	15,950,000
HGE400S		250/ 300/ 350/ 400A	65kA	16,500,000

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Phụ kiện MCCB _ HGM/ HGE 100~800AF		Mã hàng	Đơn giá (VND)
Aux. Switch	HGM100/ 125/ 250	AUX 10GMC1	285,000
	HGM400/ 630/ 800	AUX 40GMC1	430,000
Alarm Switch	HGM100/ 125/ 250	ALT 10GML1/R1	285,000
	HGM400/ 630/ 800	ALT 40GML1	430,000
Shunt Trip AC200~230V/ 380~415V	HGM100/ 125/ 250	SHT 10GM	495,000
	HGM400/ 630/ 800	SHT 40GM	760,000
Under Voltage Trip AC200~230V/ 380~415V	HGM100/ 125/ 250	UVT 10GM	1,125,000
	HGM400/ 630/ 800	UVT 40GM	1,160,000
Tay xoay (gắn trực tiếp)	HGM100	TFG10GMU	560,000
	HGM125	TFG12GMU	580,000
	HGM250	TFG25GMU	600,000
	HGM400	TFG40GMU	1,350,000
	HGM630/ 800	TFG80GMU	1,350,000
Tay xoay (nối dài)	HGM100	TFH10GM	780,000
	HGM125	TFH12GM	780,000
	HGM250	TFH25GM	780,000
	HGM400	TFH40GM	1,550,000
	HGM630/ 800	TFH80GM	1,550,000
Motor (MOT)	HGM100 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT10GM	5,890,000
	HGM125 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT12GM	6,420,000
	HGM250 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT25GM	6,420,000
	HGM400 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT40GM	9,100,000
	HGM630/ 800 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT80GM	10,170,000
Tấm chắn pha/ INTERPOLE BARRIER	HGM100/ 125 3P	TQQ10GM3	42,000
	HGM250 3P	TQQ25GM3	52,000
	HGM400/ 630/ 800 3P	TQQ40GM3/63GP3	185,000
Thanh cái/ BUS BAR	HGM250 3P (Straight type)	TBB25GP 3S	350,000
	HGM250 3P (Spreader type)	TBB25GP 3E45	400,000
	HGM400 3P (Straight type)	TBB40GM 3S	900,000
	HGM400 3P (Spreader type)	TBB40GM 3E59	1,150,000
	HGM630/ 800 3P (Straight type)	TBB80GM 3S	2,100,000
Nắp đầu cực (loại dài)	HGM100 3P	TCF10GM L3	130,000
	HGM125 3P	TCF12GM L3	150,000
	HGM250 3P	TCF25GM L3	170,000
	HGM400 3P	TCF40GM L3	485,000
	HGM630/ 800 3P	TCF80GM L3	600,000
Khóa liên động (MI)	HGM100 2/3/4P	MIF10GM	910,000
	HGM125 2/3/4P	MIF12GM	910,000
	HGM250 2/3/4P	MIF25GM	910,000
	HGM400 2/3/4P	MIF40GM	1,100,000
	HGM630/ 800 2/3/4P	MIF80GM	1,350,000
Khóa MCCB	HGM100/ 125/ 250	PLD10GM	475,000
	HGM400/ 630/ 800	PLD40GM	495,000

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Phụ kiện MCCB _ HGM1250/ 1000S		Mã hàng	Đơn giá (VND)
Aux. Switch	HGM1250/ 1000	AUX120GMSC1	420,000
	HGM1250/ 1000	AUX120GMSC2	650,000
Alarm Switch	HGM1250/ 1000	ALT120GMSR1	460,000
Shunt Trip	HGM1250/ 1000 (AC200~230V/ 380~415V)	SHT120GMS	1,050,000
Under VoltageTrip	HGM1250/ 1000 (AC200~230V/ 380~415V)	UVT120GMS	1,380,000
Motor	HGM1250/ 1000 3P	MOT120GMS3	14,170,000
	HGM1250/ 1000 4P	MOT120GMS4	14,170,000
Mechanical Interlock	HGM1250/ 1000 3P	MIF120GMS3	7,480,000
	HGM1250/ 1000 4P	MIF120GMS4	7,480,000
Phase Barrier	HGM1250/ 1000 3P	TQQ120GMS3	230,000
	HGM1250/ 1000 4P	TQQ120GMS4	310,000
Rotary Handle	HGM1250/ 1000 3/4P	TFH120GMS3/4	3,100,000
Operation Handle Extension	HGM1250/ 1000 (3P/ 4P)	THA120GMS	460,000
Key lock	HGM1250/ 1000 (3P/ 4P)	KEY120GMS	570,000

PHỤ KIỆN MCCB _ HGP100~800AF			
Aux. Switch	HGP100/ 160/ 250	AUX25GP L1	280,000
	HGP400/ 630/ 800	AUX63GP L1	370,000
Alarm Switch	HGP100/ 160/ 250	ALT25GP L1	280,000
	HGP400/ 630/ 800	ALT63GP R1	370,000
Shunt Trip AC200~230V/ 380~415V	HGP100/ 160/ 250	SHT25GP-G	770,000
	HGP400/ 630/ 800	SHT63GP	770,000
Under VoltageTrip AC200~230V/ 380~415V	HGP100/ 160/ 250	UVT25GP-G	1,155,000
	HGP400/ 630/ 800	UVT63GP	1,155,000
Motor operator (AC/DC240V)	HGP250	MOT25GP	6,420,000
	HGP400/ 630	MOT63GP	10,260,000
	HGP800	MOT 80GP	10,260,000

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Mã hàng	Số cực	Dòng định mức In(A)	Icu (kA)	Đơn giá (VNĐ)
APTOMAT - MCB loại thanh cài ** DELUXE TYPE				
HGD63N	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	6kA	80,000
	2P			160,000
	3P			250,000
	4P			330,000
HGD63H	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	10kA	127,000
	2P			253,000
	3P			400,000
	4P			523,000
HGD125	1P	80/ 100/ 125A	10kA	341,000
	2P			682,000
	3P			1,023,000
	4P			1,375,000

APTOMAT - MCB loại thanh cài **STANDARD TYPE				
HGD63M	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	6kA	80,000
	2P			160,000
	3P			250,000
	4P			330,000
HGD63P	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	10kA	127,000
	2P			253,000
	3P			400,000
	4P			523,000
HGD100S	1P	80/ 100A	10kA	242,000
	2P			523,000
	3P			831,000
	4P			990,000

APTOMAT chống rò - RCCB **STANDARD TYPE / Dòng dò (-) G4: 30mA; G5: 100mA; G7: 300mA; G8: 500mA				
HRC63S 2PG-	2P	16 / 25 / 32 / 40 / 50 / 63A	AC Type 6kA	627,000
HRC100S 2PG-		80 / 100A		952,000
HRC63S 4PG-	4P	16 / 25 / 32 / 40/ 50/ 63A		869,000
HRC100S 4PG-		80 / 100A		1,333,000

APTOMAT bảo vệ quá tải và chống rò - RCBO **STANDARD TYPE / Dòng dò (-) G4: 30mA , G5: 100mA				
HRO63M 1NG-	1P+N	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	6kA	450,000
HRO63M 3NG-	3P+N			715,000
HRO63P 1NG-	1P+N	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	10kA	473,000
HRO63P 3NG-	3P+N			825,000

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



CONTACTOR DẠNG MODULE (INSTALLATION CONTACTOR)			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
HIC25 --NSX230	25A - AC230V (2NO.0NC / 1NO.1NC/ 0NO.2NC)	2P	472,000
HIC40 --NSX230	40A - AC230V (2NO.0NC / 1NO.1NC/ 0NO.2NC)		888,000
HIC63 --NSX230	63A - AC230V (2NO.0NC / 1NO.1NC/ 0NO.2NC)		888,000
HIC25 --NSX230	25A - AC230V (4NO.0NC/ 3NO.1NC/ 2NO.2NC/ 0NO.4NC)	4P	753,000
HIC40 --NSX230	40A - AC230V (4NO.0NC/ 3NO.1NC/ 2NO.2NC/ 0NO.4NC)		1,109,000
HIC63 --NSX230	63A - AC230V (4NO.0NC/ 3NO.1NC/ 2NO.2NC/ 0NO.4NC)		1,109,000

DISTRIBUTION BOX (VỎ TỦ MODULE - Flush Mounted)			
HRDB-EFT12W		12 ways	350,000
HRDB-EFT18W		18 ways	580,000
HRDB-EFT24W		24 ways	850,000

MANUAL MOTOR STARTER (MMS) - 3P		
MMS32K----	0.10_0.16A/ 0.16_0.25A / 0.25_0.40A/ 0.40_0.63A/ 0.63_1.00A/ 1.00_1.60A/ 1.60_2.50A/ 2.50_4.00A/ 4.00_6.30A/ 6.00_10.0A	625,000
MMS32K----	9.00_14.0A/ 13.0_18.0A/ 17.0_23.0A/ 20.0_25.0A/ 24.0_32.0A	637,000
MMS80K----	25.0_40.0A/ 40.0_63.0A	1,650,000
MMS80K----	56.0_80.0A	1,793,000



HIC TYPE



HMMS

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



MÃ HÀNG	In (A)	CÔNG SUẤT	ĐIỆN ÁP (V)	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
CONTACTOR (AC Magnetic Contactor 50Hz)				
HGC9 11NS X ---	9A (1a1b)	4KW	AC024/ AC048/ AC110/ AC120/ AC220/ AC240/ AC380/ AC440V	380,000
HGC12 11NS X ---	12A (1a1b)	5.5KW		430,000
HGC18 11NS X ---	18A (1a1b)	7.5KW		520,000
HGC25 11NS X ---	25A (1a1b)	11KW		590,000
HGC32 22NS X ---	32A (2a2b)	15KW		855,000
HGC40 22NS X ---	40A (2a2b)	18.5KW		950,000
HGC50 22NS X ---	50A (2a2b)	22KW		1,190,000
HGC65 22NS X ---	65A (2a2b)	30KW		1,550,000
HGC75 22NS X ---	75A (2a2b)	37KW		1,800,000
HGC85 22NS X ---	85A (2a2b)	45KW		2,210,000
HGC100 22NS X ---	100A (2a2b)	55KW		2,530,000
HGC130 22NS Y220	130A (2a2b)	65KW	AC220V	3,190,000
HGC150 22NS Y220	150A (2a2b)	75KW		3,190,000
CONTACTOR (AC/DC Magnetic Contactor)				
HGC115 22NS F ---	115A (2a2b)	60KW	F220: AC100~240 DC110~220 F440: AC380~450	3,380,000
HGC130 22NS F ---	130A (2a2b)	65KW		3,680,000
HGC150 22NS F ---	150A (2a2b)	75KW		4,500,000
HGC185 22NS F ---	185A (2a2b)	90KW		6,200,000
HGC225 22NS F ---	225A (2a2b)	132KW		6,710,000
HGC265 22NS F ---	265A (2a2b)	147KW		9,080,000
HGC300 22NS F ---	300A (2a2b)	160KW		9,850,000
HGC400 22NS F ---	400A (2a2b)	220KW		11,330,000
HGC500 22NS F ---	500A (2a2b)	250KW		18,150,000
HGC630 22NS F ---	630A (2a2b)	330KW	F220: AC200~240 DC200~220 F440: AC380~450	24,750,000
HGC800 22NS F ---	800A (2a2b)	440KW		31,350,000
RƠ LE NHIỆT	DẢI DÒNG (A)			
HGT18K (cho HGC9 ~ 18)	0.12 - 0.18A, 0.18 - 0.26A, 0.25 - 0.35A, 0.34 - 0.5A, 0.5 - 0.7A, 0.6 - 0.9A, 0.8 - 1.2A, 1.1 - 1.6A, 1.5 - 2.1A, 2 - 3A, 2.8 - 4.2A, 3 - 5A, 4 - 6A, 5.6 - 8A, 6 - 9A, 8 - 12A, 12 - 18A			310,000
HGT40K (cho HGC25 ~ 40)	7-10A, 8-12A, 12-18A, 15-22A, 17 - 25A, 22-32A, 28 - 40A			395,000
HGT65K (cho HGC50~65)	17 - 25A, 22-32A, 28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A			750,000
HGT100K (cho HGC75~100)	28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A, 52 - 75A, 59 - 85A, 70-100A			1,135,000
HGT150K (cho HGC115~150)	48 - 80A, 69 - 115A, 78 - 130A, 90 - 150A			2,200,000
HGT265K (cho HGC185~265)	90 - 150A, 111 - 185A, 135 - 225A, 159 - 265A			2,970,000
HGT500K (cho HGC300~500)	159 - 265A,180 - 300A, 240 - 400A, 300-500A			4,100,000
HGT800K (cho HGC630, 800)	378 - 630A, 480 - 800A			7,780,000

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Mã hàng	In (A)	Điện áp (V)	Đơn giá (VNĐ)
CONTACTOR (DC Magnetic Contactor)			
HGC9 11NSD---	9A (1a1b)	DC 024/ 048/ 110/ 125/ 220V	545,000
HGC12 11NSD---	12A (1a1b)		590,000
HGC18 11NSD---	18A (1a1b)		690,000
HGC25 11NSD---	25A (1a1b)		715,000
HGC32 11NSD---	32A (1a1b)		935,000
HGC40 11NSD---	40A (1a1b)		1,155,000
HGC50 21NSD---	50A (2a1b)		1,265,000
HGC65 21NSD---	65A (2a1b)		1,650,000
HGC75 21NSD---	75A (2a1b)		2,420,000
HGC85 21NSD---	85A (2a1b)		2,970,000
HGC100 21NSD---	100A (2a1b)		3,190,000

CONTACTOR (chuyên dùng cho tụ bù)			
HGC9C 22NSX---	9A (2a2b)		910,000
HGC12C 22NSX---	12A (2a2b)		910,000
HGC18C 22NSX---	18A (2a2b)		975,000
HGC25C 22NSX---	25A (2a2b)		1,070,000
HGC32C 22NSX---	32A (2a2b)		1,190,000
HGC40C 22NSX---	40A (2a2b)		1,300,000
HGC50C 22NSX---	50A (2a2b)		1,630,000
HGC65C 22NSX---	65A (2a2b)		1,945,000
HGC75C 22NSX---	75A (2a2b)		2,230,000
HGC85C 22NSX---	85A (2a2b)		2,590,000
HGC100C 22NSX---	100A (2a2b)		2,920,000

CAPACITOR SWITCHING UNIT (Cuộn xả dòng đóng/ngắt cho Contactor chuyên dùng cho tụ bù)			
HGCCU40 00NS	dùng cho HGC9 ~ 40	0NO.0NC	486,000
HGCCU65 00NS	dùng cho HGC50 ~ 65		486,000
HGCCU100 00NS	dùng cho HGC75 ~ 100		486,000

CONTROL RELAY			
HGR 04NS X---	4NC	AC 024/ 048/ 110/ 120/ 220/ 240/ 380/ 400 440/V	495,000
HGR 13NS X---	1NO.3NC		
HGR 22NS X---	2NO.2NC		
HGR 31NS X---	3NO.1NC		
HGR 40NS X---	4NO		
HGR 04PS D---	4NC	DC 024/ 048/ 110/ 125/ 220V	567,000
HGR 13PS D---	1NO.3NC		
HGR 22PS D---	2NO.2NC		
HGR 31PS D---	3NO.1NC		
HGR 40PS D---	4NO		

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Phụ kiện Contactor			Đơn giá (VND)
TIẾP ĐIỂM PHỤ			
HGCTB--NS	2NO/ 1NO+1NC/ 2NC	Cài trên (HGC9~100)	110,000
	4NO/ 3NO+1NC/ 2NO+2NC/ 1NO+3NC/ 4NC		170,000
HGCSB40 11NS	1NO+1NC, dùng cho HGC9 ~ 40	Cài cạnh	110,000
HGCSB100 11NS	1NO+1NC, dùng cho HGC50 ~ 100		165,000
HGCSB800 11NS	1NO+1NC, dùng cho HGC115 ~ 800		220,000
KHÓA LIÊN ĐỘNG (không áp dụng cho HGC40~100 DC)			
HGCIU40	HGC9 ~ 40		205,000
HGCIU100	HGC50 ~ 100		205,000
HGCIU265	HGC115 ~ 265		290,000
HGCIU800	HGC300 ~ 800		1,240,000
CUỘN HÚT CONTACTOR (AC Magnetic Contactor)			
HGCOL18 X	HGC9 ~ 18	AC	115,000
HGCOL40 X	HGC25 ~ 40		125,000
HGCOL65 X	HGC50 ~ 65		140,000
HGCOL100 X	HGC75 ~ 100		198,000
HGCOL150 Y	HGC130 ~150		990,000
HGCOL150 F	HGC115 ~ 150	AC/ DC	1,035,000
HGCOL265 F	HGC185 ~ 265		1,650,000
HGCOL500 F	HGC300 ~ 500		2,620,000
HGCOL800 F	HGC630 ~ 800		3,520,000
ĐỂ LẮP ĐẶT RELAY (DIN Rail Adapter for HGT)			
HGTMB18S	HGT18		165,000
HGTMB40S	HGT40		198,000
HGTMB65S	HGT65		220,000
HGTMB100S	HGT100		350,000
RƠ LE THỜI GIAN (Electronic Timer Block)			
HGCET1	HGC9~100, HGR	AC/DC90~240V	1,350,000
HGCET2		AC/DC24~60V	1,350,000

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Icu (kA)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
ACB_HGS Type (Standard) 3P - Fixed Type			HGS Type (Standard) 4P - Fixed Type	
HGS06A3HM0C0S051T	35,200,000	65kA	HGS06A4HM0C0S051T	38,000,000
HGS08A3HM0C0S051H	37,400,000		HGS08A4HM0C0S051H	41,300,000
HGS10A3HM0C0S051J	38,500,000		HGS10A4HM0C0S051J	42,400,000
HGS12A3HM0C0S051K	39,600,000		HGS12A4HM0C0S051K	48,400,000
HGS16A3HM0C0S051L	41,300,000		HGS16A4HM0C0S051L	52,000,000
HGS20B3HM0C0S051M	56,100,000	85kA	HGS20B4HM0C0S051M	64,000,000
HGS25B3HM0C0S051N	73,000,000		HGS25B4HM0C0S051N	91,000,000
ACB_HGN Type (Premium) 3P - Fixed Type			HGN Type (Premium) 4P - Fixed Type	
HGN06A3HM0C0S051T	44,000,000	85kA	HGN06A4HM0C0S051T	45,700,000
HGN08A3HM0C0S051H	47,000,000		HGN08A4HM0C0S051H	49,000,000
HGN10A3HM0C0S051J	48,000,000		HGN10A4HM0C0S051J	49,500,000
HGN12A3HM0C0S051K	51,500,000		HGN12A4HM0C0S051K	58,500,000
HGN16A3HM0C0S051L	52,000,000		HGN16A4HM0C0S051L	62,500,000
HGN20A3VM0C0S051M	56,100,000		HGN20A4VM0C0S051M	72,000,000
HGN25B3HM0C0S051N	74,000,000	100kA	HGN25B4HM0C0S051N	97,000,000
HGN32B3HM0C0S051P	85,000,000		HGN32B4HM0C0S051P	105,400,000
HGN40B3HM0C0S051Q	118,000,000		HGN40B4HM0C0S051Q	140,800,000
HGN50C3HM0C0S051S	165,000,000		HGN50C4HM0C0S051S	210,000,000
HGN63D3HM0C0S051X	244,200,000	150kA	HGN63D4HM0C0S051X	311,300,000

ACB_HGS Type (Standard) 3P - Draw in/out Type			HGS Type (Standard) 4P - Draw in/out Type	
HGS06A3BM0C0S051T	51,200,000	65kA	HGS06A4BM0C0S051T	58,300,000
HGS08A3BM0C0S051H	54,500,000		HGS08A4BM0C0S051H	62,200,000
HGS10A3BM0C0S051J	55,600,000		HGS10A4BM0C0S051J	63,300,000
HGS12A3BM0C0S051K	58,300,000		HGS12A4BM0C0S051K	68,200,000
HGS16A3BM0C0S051L	61,600,000		HGS16A4BM0C0S051L	72,600,000
HGS20B3BM0C0S051M	79,200,000	85kA	HGS20B4BM0C0S051M	99,000,000
HGS25B3BM0C0S051N	100,100,000		HGS25B4BM0C0S051N	118,800,000
ACB_HGN Type (Premium) 3P - Draw in/out Type			HGN Type (Premium) 4P - Draw in/out Type	
HGN06A3BM0C0S051T	63,300,000	85kA	HGN06A4BM0C0S051T	69,900,000
HGN08A3BM0C0S051H	64,400,000		HGN08A4BM0C0S051H	74,800,000
HGN10A3BM0C0S051J	65,500,000		HGN10A4BM0C0S051J	75,900,000
HGN12A3BM0C0S051K	67,100,000		HGN12A4BM0C0S051K	81,400,000
HGN16A3BM0C0S051L	68,200,000		HGN16A4BM0C0S051L	86,900,000
HGN20A3CM0C0S051M	76,500,000		HGN20A4CM0C0S051M	89,100,000
HGN25B3BM0C0S051N	88,000,000	100kA	HGN25B4BM0C0S051N	132,000,000
HGN32B3BM0C0S051P	118,800,000		HGN32B4BM0C0S051P	148,500,000
HGN40B3BM0C0S051Q	165,000,000		HGN40B4BM0C0S051Q	203,500,000
HGN50C3BM0C0S051S	217,800,000		HGN50C4BM0C0S051S	231,000,000
HGN63D3BM0C0S051X	316,800,000	150kA	HGN63D4BM0C0S051X	396,000,000

Máy cắt không khí (ACB) Model HGS/ HGN đã có Rơ le GPR-LA (bảo vệ LSIG) tích hợp màn hình LCD và truyền thông MODBUS, (chưa bao gồm Motor, SHT, CC, UVT)

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



PHỤ KIỆN ACB	MÃ HÀNG	THÔNG SỐ	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
Protection Trip Relay (OCR)	HGNSOCR-LA(51/61)	50/60Hz, GPR-LA	7,900,000
	HGNSOCR-LA(54/64)	50/60Hz, GPR-LP	
	HGNSOCR-LA(55/65)	50/60Hz, GPR-LH	
Motor	HGNS M(-)U	(-) 1 - AC/ DC110V 2 - AC/ DC220V 3 - AC380V 4 - AC400V 7 - DC24V 8 - DC48V 9 - DC125V	5,190,000
Closing coil	HGNS C(-)		1,190,000
Trip coil	HGNS S(-)		1,190,000
UVT Coil (Instantaneous type)	HGNS U(-)		1,520,000
UVT Time Delay Controller	HGNS UT(-)		2,600,000
UVT Time Delay Controller & UVT Coil	HGNS V(-)		4,120,000
Khóa liên động (*) (Mechanical interlock)	HGNS FWB1A	for A frame, Fixed type, 2 ACB (3P,4P)	8,560,000
	HGNS FWB2A	for A frame, Fixed type, 3 ACB (3P,4P)	16,050,000
	HGNS FWB1B	for B frame, Fixed type, 2 ACB (3P,4P)	8,560,000
	HGNS FWB2B	for B frame, Fixed type, 3 ACB (3P,4P)	16,050,000
	HGNS FWB1C3	for C frame, Fixed type, 2 ACB (3P)	9,630,000
	HGNS FWB1C4	for C frame, Fixed type, 2 ACB (4P)	9,630,000
	HGNS FWB2C3	for C frame, Fixed type, 3 ACB (3P)	17,120,000
	HGNS FWB2C4	for C frame, Fixed type, 3 ACB (4P)	17,120,000
	HGNS FWB1D3	for D frame, Fixed type, 2 ACB (3P)	9,630,000
	HGNS FWB1D4	for D frame, Fixed type, 2 ACB (4P)	9,630,000
	HGNS FWB2D3	for D frame, Fixed type, 3 ACB (3P)	17,120,000
	HGNS FWB2D4	for D frame, Fixed type, 3 ACB (4P)	17,120,000
Tấm chắn pha (Phase insulation barrier)	HGNS 3PBAR	for 3P	224,000
	HGNS 4PBAR	for 4P	336,000
Biến dòng Curent Transformer (CT)	HGNS CTA(**)3	for A frame	3,250,000
	HGNS CTB(**)3	for B frame	3,800,000
	HGNS CTC(**)3	for C frame	6,800,000
Key lock	HGNS AB	key lock device	672,000
AUX Switch	HGNS AA	additional 1a1b (Max.6a6b)	300,000
Door Flange	HGNS AG	for IP30	448,000
Dust Cover	HGNS DC	for IP52	14,000,000
Temperature Sensor	HGNS TSN	inside cradle	6,810,000
ATS Controller	HGNS ATS	Automatic Transfer Switch & Controller	39,500,000

Ghi chú: 1. Thanh cái (Termial Bus Bar) của ACB có thể xoay dọc/ ngang đối với các sản phẩm:

HGS/ HGN Frame A: 630~1600A ; Frame B: 630~3200A

2. Tiếp điểm bảo trạng thái đóng cắt (AUX)

ACB HGS đã có sẵn 3a3b. ACB HGN đã có sẵn 5a5b

(*): Khóa liên động: chỉ dùng liên động các **ACB model HGN**, cùng Frame.

Quý khách hàng yêu cầu liên động các ACB khác Frame, vui lòng liên hệ NPP/ Đại lý Hyundai.

(**): Biến dòng T-630A/ H-800A/ J-1000A/ K-1250A/ L-1600A/ M-2000A/ N-2500A/ P-3200A/ Q-4000A/ S-5000A/ X- 6300A

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Thông số thiết bị				Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Vacuum Circuit Breaker - HGV COMPACT Type					
HGV loại cố định					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AXA444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AXA444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BXA444A	(*)
		1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 BXA444A	(*)
HGV loại ngăn kéo E-cradle					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AES444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AES444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BES444A	(*)
		1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 BES444A	(*)
HGV loại ngăn kéo F-cradle					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AFS444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AFS444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BFS444A	(*)
		1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 BFS444A	(*)
HGV loại ngăn kéo G-cradle					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AGS444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AGS444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BGS444A	(*)
		1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 BGS444A	(*)
Vacuum Circuit Breaker - HGV STANDARD Type					
HGV loại cố định					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 CXA444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 CXA444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FXA444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FXA444C	(*)
		2000A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FXA444C	(*)
HGV loại ngăn kéo E-cradle					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 CES444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 CES444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FES444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FES444C	(*)
		2000A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FES444C	(*)
HGV loại ngăn kéo F-cradle					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 CFS444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 CFS444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FFS444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FFS444C	(*)
		2000A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FFS444C	(*)
HGV loại ngăn kéo G-cradle					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 FGS444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 FGS444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FGS444C	(*)
		1250A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FGS444C	(*)
		2000A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FGS444C	(*)

(*) Quý khách vui lòng liên hệ NPP/ Đại lý Hyundai.

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/06/2024)



Thông số thiết bị				Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Vacuum Circuit Breaker - HVF Type					
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142 IXA444C	(*)
		2000A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7144 IXA444C	(*)
	31.5kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7052 IXA444C	(*)
		2000A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7054 IXA444C	(*)
		3150A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7057 IXA444C	(*)
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142 IGS444C	(*)
		2000A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7144 IGS444C	(*)
	31.5kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7052 IGS444C	(*)
		2000A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7054 IGS444C	(*)
		3150A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7057 IGS444C	(*)

Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Continuously -type, Fixed type		
UVC3□CX1000000**	3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC	(*)
UVC6□CX1000000**	7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC	(*)
UVC3□CA1006000**CM	3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD	(*)
UVC6□CA1006000**CM	7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD	(*)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Continuously -type, Draw-out type		
UVC3□CB1F10000**	3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)	(*)
UVC6□CB1F10000**	7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)	(*)
UVC3□CD1F16000**CM	3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD	(*)
UVC6□CD1F16000**CM	7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD	(*)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Latched-type, Fixed type		
UVC3□LX1000000**	3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC	(*)
UVC6□LX1000000**	7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC	(*)
UVC3□LA1006000**CM	3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD	(*)
UVC6□LA1006000**CM	7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD	(*)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Latched -type, Draw-out type		
UVC3□LB1F10000**	3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)	(*)
UVC6□LB1F10000**	7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)	(*)
UVC3□LD1F16000**CM	3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD	(*)
UVC6□LD1F16000**CM	7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD	(*)

□: Chọn dòng định mức 2: 200A/ 4: 400A

(**): Chọn điện áp làm việc H: AC/DC 200 ~ 230V / L: AC/DC 100 ~ 125V

(*): Quý khách vui lòng liên hệ NPP/ Đại lý Hyundai.

Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%